

Huyện Yên Khánh
Xã Khánh Lợi
Mã QHNS: 1048872

Mẫu biểu số 114/CK TC-NSNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 343/2016/TT-BTC
Ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ
9 tháng đầu năm 2024

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Tổng số thu	6.970.750.000	6.769.820.000	14.169.404.205	13.762.100.295	203.27	203.29
I. Các khoản thu 100%	72.000.000	72.000.000	5.229.103.461	5.227.443.461	7262.64	7260.34
Phí , lệ phí	24.000.000	24.000.000	13.043.300	13.043.300	54.35	54.35
Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	38.000.000	38.000.000	161.980.000	161.980.000	426.26	426.26
+ Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích	38.000.000	38.000.000				
+ Thu hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo chế độ quy định			161.980.000	161.980.000		
Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000.000	10.000.000	54.080.000	52.420.000	540.8	524.2
Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
Đóng góp của nhân dân theo quy định			5.000.000.000	5.000.000.000		
Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
Thu khác			161	161		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	319.000.000	118.070.000	661.972.868	256.328.958	207.52	217.1
1.Các khoản thu phân chia	61.000.000	42.700.000	265.721.695	89.472.691	435.61	209.54
Thuế sử dụng đất phí nông nghiệp	19.000.000	13.300.000	21.093.288	14.765.302	111.02	111.02
Thu tiền sử dụng đất			179.550.000	26.932.500		
Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh			7.400.000	7.400.000		

Nội dung	Dự toán		Ước thực hiện		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
A	1	2	3	4	5	6
Lệ phí trước bạ nhà, đất	42.000.000	29.400.000	57.678.407	40.374.889	137.33	137.33
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	258.000.000	75.370.000	396.251.173	166.856.267	153.59	221.38
- Thuế giá trị gia tăng và TNDN	12.000.000	7.480.000	106.475.650	66.334.364	887.3	886.82
- Thuế thu nhập cá nhân từ hộ sản xuất kinh doanh	6.000.000	3.740.000	64.789.707	40.364.026	1079.83	1079.25
- Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản	240.000.000	64.150.000	224.742.408	60.006.232	93.64	93.54
- Các khoản nộp chậm thuế			243.408	151.645		
- Thuế Tài nguyên						
- Phí bảo vệ môi trường						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn	158.050.000	158.050.000	1.823.016.776	1.823.016.776	1153.44	1153.44
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			35.297.100	35.297.100		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách trên	6.421.700.000	6.421.700.000	6.420.014.000	6.420.014.000	99.97	99.97
Bổ sung cân đối ngân sách	6.091.700.000	6.091.700.000	4.629.720.000	4.629.720.000	76	76
Bổ sung có mục tiêu	330.000.000	330.000.000	1.790.294.000	1.790.294.000	542.51	542.51

